

Bản án số: 92/2020/DS-PT

Ngày: 28 - 8 - 2020

“V/v Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và hủy quyết định cá biệt”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

Thư ký phiên toà: Ông Châu Trần Nhật Nguyên – Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Bà Mã Quế Khanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: **67/2020/TLPT-DS**, ngày 09 tháng 7 năm 2020, về việc *“Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và hủy quyết định cá biệt”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2020/DS-ST ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 93/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Huỳnh Văn V, sinh năm 1961. (Vắng mặt)

1.2 Bà Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1963. (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn V: Bà Huỳnh Thị Ngọc T (như trên).

Cùng địa chỉ: ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Hồ Văn N, sinh năm 1930. Địa chỉ: ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (chết vào ngày 16/10/2019).

2.2. Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1932. Địa chỉ: Số 203, ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

* Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Ông **Trần Việt H**, sinh năm 1966. Địa chỉ: đường C, khu dân cư M, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Theo giấy ủy quyền ngày 20/11/2019). (Có mặt)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông Hồ Văn N:

Bà **Huỳnh Thị C**, sinh năm 1932. Địa chỉ: Số 203, ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

- Ông **Hồ Văn T**, sinh năm 1956. (Vắng mặt)

- Ông **Hồ Quốc Đ**, sinh năm 1973. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

* Người đại diện theo ủy quyền của bà C, ông T, ông Đạt: Ông **Trần Việt H**, sinh năm 1966. Địa chỉ: đường C, khu dân cư M, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Theo giấy ủy quyền ngày 03/3/2020). (Có mặt)

- Bà **Hồ Thị H**, sinh năm 1951. Địa chỉ: ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

- Bà **Hồ Thị N**, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

- Ông **Hồ Văn D**, sinh năm 1957. Địa chỉ: khu vực N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Hồ Văn T**, sinh năm 1956. (Vắng mặt)

3.2. Bà **Trần Thị P**, sinh năm 1957. (Vắng mặt)

3.3. Bà **Hồ Thị H**, sinh năm 1951. (Vắng mặt)

3.4. Ông **Hồ Quốc Đ**, sinh năm 1973. (Vắng mặt)

3.5. Bà **Thạch Phương T**, sinh năm 1974. (Vắng mặt)

3.6. Ông **Hồ Quốc T**, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

3.7. Bà **Nguyễn Thị Kim Y**, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

3.8. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Huỳnh Tấn T**, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L (theo văn bản ủy quyền ngày 02/01/2020). (Có mặt)

Địa chỉ: ấp B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

3.9. Ông **Huỳnh Quang N**, sinh năm 1945. Địa chỉ: số nhà 080, ấp Phụng An, xã Song Phụng, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

3.10. Bà **Huỳnh Thị Lan A**, sinh năm 1949. Địa chỉ: số nhà 193, ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

3.11. Bà **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1954. (Vắng mặt)

3.12. Bà **Huỳnh Nguyệt H**, sinh năm 1972.(Vắng mặt)

3.13. Bà **Huỳnh Thị Hồng N**, sinh năm 1973.(Vắng mặt)

Cùng địa chỉ:, phường S, quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

3.14. Ông **Huỳnh Văn M**, sinh năm 1954. Địa chỉ: Thôn M, xóm M, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

3.15. Ông **Huỳnh Văn B**, sinh năm 1952. Địa chỉ: ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.(Vắng mặt)

3.16. Bà **Huỳnh Thị U**, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.(Vắng mặt)

4. *Người làm chứng:*

4.1. Ông **Nguyễn Thái H**, sinh năm 1952. Địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.(Vắng mặt)

4.2. Ông **Trương Phi N**, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.(Vắng mặt)

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn Huỳnh Thị Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03/3/2015; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/6/2016 của ông Huỳnh Văn V, bà Huỳnh Thị Ngọc T và tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 30/8/2014 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Huỳnh Thị Ngọc T trình bày:

Phần đất đang tranh chấp thuộc thửa 57, có diện tích là 4.349m² và thửa 1089, có diện 2.512m², cùng tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc là của ông Huỳnh Văn P và bà Bùi Thị M. Khi ông P, bà M chết để lại cho ông Huỳnh Văn H, bà Lê Thị Tvà ông H, bà T chết để lại cho ông Huỳnh Văn V.

Đối với thửa đất số 57, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng: Năm 1994 bà T chết và để lại phần đất này cho ông bà, năm 2001 làm thủ tục thừa kế cho ông Huỳnh Văn V, bà Huỳnh Thị Ngọc T. Đến năm 2002 được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V191585 ngày 06/5/2002 thuộc thửa 57, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, diện tích là 4.349m² do hộ ông Huỳnh Văn V đứng tên. Đối với thửa đất này ông V và bà T xác định có được là do bà Lê Thị Ttặng cho nên xác định đây là tài sản chung của bà T, ông V. Các con của ông bà không có công sức đóng góp hay tạo lập vào tài sản này nên ông V, bà T có quyền quyết định thửa đất này, không liên quan đến các con của ông bà. Thửa đất này, gia đình ông bà sử dụng một phần có diện tích khoảng 600m² (theo đo đạc thực tế là 474,9m²) từ trước năm 1975 cho đến nay, đã xây dựng nhà ở trên phần đất này; Một phần còn lại của thửa đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 4.484,7m² (trong đó bà Hồ Thị H đang sử dụng là 277m²; Ông Hồ Văn T, bà Trần Thị P, ông Hồ Quốc T, bà Nguyễn Thị Kim Y đang sử dụng

507,7m²; Bà Huỳnh Thị C, ông Hồ Văn N (chết vào năm 2019) đang sử dụng 2.906,6m²; Ông Hồ Quốc Đ đang sử dụng 793,4m²) sử dụng từ năm 1963 cho đến nay và đã xây dựng nhà kiên cố trên phần đất này, gia đình bà không ngăn cản, tranh chấp gì. Đến năm 2002 khi Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V, ông bà phát hiện phần đất 4.484,7m² nằm trong phần đất được cấp cho ông V thuộc thửa số 57 nên ông bà tiến hành khiếu nại tại Ủy ban nhân dân huyện L để đòi lại phần đất này.

Đối với thửa 1089, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng: Diện tích đo đạc thực tế là 3.599,5m², phần đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B049862 ngày 18/4/1994 do hộ ông Hồ Văn N đứng tên với diện tích là 2.512m². Gia đình ông bà sử dụng phần đất này đến năm 1963 thì ông P (cha của bà C) sử dụng cho đến nay, gia đình bà không ngăn cản, tranh chấp gì vì không có điều kiện để thừa kế. Đến năm 2002 thì phát sinh tranh chấp cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bà T đồng ý với kết quả đo đạc của Tòa án, thống nhất với hiện trạng, giá trị tài sản mà Hội đồng định giá đã xác định.

Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông V, bà T và tại phiên tòa bà T yêu cầu được rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể rút lại các yêu cầu sau:

- Yêu cầu trả lại phần đất thuộc thửa Q5, tờ bản đồ 03, có diện tích 2.625m²; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông Hồ Văn N đứng tên

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Hồ Văn N, bà Huỳnh Thị C và ông Huỳnh Văn V, bà Huỳnh Thị Ngọc T vào ngày 30/10/2001 và buộc trả lại năm chỉ vàng 24kara theo hợp đồng.

- Yêu cầu ông N, bà C trả phần đất có diện tích 1.837m² thuộc thửa 07, tờ bản đồ 03 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông Hồ Văn N đứng tên; hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 07 nêu trên vì trái pháp luật.

- Buộc ông Hồ Văn N, bà Huỳnh Thị C phải trả tiền thu thuế thửa đất số 57, tờ bản đồ 03, tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng trái quy định từ năm 1975 đến năm 2001 là 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị C, ông Hồ Văn N (chết) do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn N là bà Huỳnh Thị C, bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn T, bà Hồ Thị N, ông Hồ Quốc Đ, ông Hồ Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang sử dụng phần đất theo thẩm định, đo đạc của Tòa án là bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn T, bà Trần Thị P, ông Hồ Quốc T, bà Nguyễn Thị Kim Y, ông Hồ Quốc Đ, bà Thạch Phương T phải trả phần đất thuộc một phần thửa 57, tờ bản đồ 03; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng có diện tích là 4.484,7m² (trong đó

bà Hồ Thị H đang sử dụng là 277m²; Ông Hồ Văn T, bà Trần Thị P, ông Hồ Quốc T, bà Nguyễn Thị Kim Y đang sử dụng 507,7m²; Bà Huỳnh Thị C, ông Hồ Văn N (chết) do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn N là bà Huỳnh Thị C, bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn T, ông Hồ Quốc Đ, ông Hồ Văn D, bà Hồ Thị N đang sử dụng 2.906,6m² (trong đó có 150m² đất thổ cư); Ông Hồ Quốc Đ, bà Thạch Phương T đang sử dụng 793,4m²)).

- Yêu cầu bà Huỳnh Thị C, ông Hồ Văn N (chết) do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn N là bà Huỳnh Thị C, bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn T, bà Hồ Thị N, ông Hồ Quốc Đ, ông Hồ Văn D phải trả cho ông V, bà T phần đất thuộc một phần thửa 1089, có diện tích theo đo đạc thực tế là 3.599,5 m², tờ bản đồ 03 tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất B049862 ngày 18/4/1994 do hộ ông Hồ Văn N đứng tên.

- Yêu cầu được hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B040862 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 18/4/1994 đã do hộ ông Hồ Văn N đứng tên thuộc thửa 1089, tờ bản đồ 03 tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

- Tại tờ tường trình ngày 26/6/2015 của ông Hồ Văn N và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trần Việt Hưng trình bày:

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp thuộc thửa 1089 và thửa 57, cùng tờ bản đồ 03; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng là của ông Huỳnh Văn P do Nhà nước cấp và ông P sử dụng phần đất này, khi ông P còn sống có một người con là bà Huỳnh Thị C nên bà C sinh sống với ông P từ nhỏ, sau đó lập gia đình, sinh sống trên phần đất này từ năm 1945 cho đến nay, cụ thể:

Đối với thửa đất số 57, tờ bản đồ 03; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng: Ông P cho gia đình bà T (mẹ ông V) sử dụng một phần có diện tích khoảng 600m² (theo đo đạc thực tế là 474,9m²) từ trước năm 1975 cho đến nay, đã xây dựng nhà ở trên phần đất này; Một phần còn lại của thửa đất này có diện tích theo đo đạc thực tế là 4.484,7m² (trong đó bà Hồ Thị H đang sử dụng là 277m²; Ông Hồ Văn T, bà Trần Thị P, ông Hồ Quốc T, bà Nguyễn Thị Kim Y đang sử dụng 507,7m²; Bà Huỳnh Thị C, ông Hồ Văn N (chết vào năm 2019) đang sử dụng 2.906,6m²; Ông Hồ Quốc Đ đang sử dụng 793,4m²) sử dụng từ năm 1945 cho đến nay và đã xây dựng nhà kiên cố trên phần đất này, gia đình ông V, bà T không ngăn cản hay tranh chấp. Vào năm 1993 – 1994 gia đình ông N có làm thủ tục kê khai quyền sử dụng đất thì được biết phần đất này đã được bà Lê Thị T là mẹ của ông Huỳnh Văn V kê khai trước nên ông không được cấp phần đất này. Gia đình ông N có làm đơn khiếu nại thì được cán bộ địa chính xã Song Phụng trả lời “Đất cấp cho ông không thiếu thì thôi” nên ông N không khiếu nại tiếp theo. Bên cạnh đó, cùng thời điểm cấp giấy, ông được cấp thửa 07, tờ bản đồ 03; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng nên nghĩ phần đất ông N, bà C đang sử dụng nằm trong thửa đất số 07 cấp cho ông. Việc bà T, ông V được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V191585 ngày 06/5/2002 thuộc thửa 57, diện tích là 4.349m² do hộ ông Huỳnh

Văn V đứng tên, gia đình ông N hoàn toàn không hay biết khi ông V được cấp giấy. Bà T, ông V có khiếu nại từ năm 2002 và được Ủy ban huyện L ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V191585 ngày 06/5/2002 nhưng sau đó ra quyết định thu hồi lại quyết định thu hồi đất vì cho rằng vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Đối với thửa đất số 1089, tờ bản đồ 03; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng: Ông P, bà C, ông N sử dụng từ năm 1945 cho đến nay, quá trình sử dụng đã trồng cây lâu năm, ông V, bà T cũng không ngăn cản hay tranh chấp. Đến năm 1994, ông N làm thủ tục kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B049862 ngày 18/4/1994 do hộ ông Hồ Văn N đứng tên với diện tích là 2.512m², tại thửa số 1089, tờ bản đồ 03 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Khi làm thủ tục cấp giấy bà T, ông V không có ngăn cản hay tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 02/4/2015 ông N có làm đơn yêu cầu phản tố với nội dung: Yêu cầu bà T, ông V phải trả cho ông N phần đất đang sử dụng có diện tích khoảng 600m² (theo đo đạc thực tế là 474,9m²) thuộc một phần của thửa 57, tờ 03 tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng hiện nay đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông Huỳnh Văn V đứng tên và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V191585 ngày 06/5/2002 thuộc thửa 57, tờ bản đồ 03; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng diện tích là 4.349m² được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông V đứng tên.

Tại tờ tường trình ngày 02/3/2020 người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn N yêu cầu rút lại một phần yêu cầu phản tố về việc yêu cầu bà T, ông V trả phần đất đang sử dụng có diện tích khoảng 600m² (theo đo đạc thực tế là 474,9m²) thuộc một phần của thửa 57, tờ 03 tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng hiện nay đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông Huỳnh Văn V đứng tên.

Riêng yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V191585 ngày 06/5/2002 thuộc thửa 57, tờ bản đồ 03; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, diện tích là 4.349m² được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông V đứng tên vẫn giữ nguyên.

Nay trước yêu cầu của nguyên đơn, bà C và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N không đồng ý vì đất đó là của ông Huỳnh Văn P, gia đình ông N sử dụng liên tục từ năm 1945 cho đến nay, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị H trình bày:

Nguồn gốc phần là của ông Huỳnh Văn P (ông ngoại của bà H). Khoảng hơn 40 năm trước, ông N có cho bà một phần đất thuộc một phần thửa 57, tờ bản đồ 3 có diện tích theo đo đạc thực tế của Tòa án là 277m² tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh

Sóc Trăng để cất nhà ở, trong quá trình canh tác gia đình bà T, ông V không có ngăn cản hay tranh chấp gì.

Nay bà không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì đất đó là của ông N, bà C. Trong vụ án này bà không có yêu cầu độc lập.

- Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P, ông Hồ Văn T, ông Hồ Quốc T, bà Nguyễn Thị Kim Y trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Huỳnh Văn P. Sau đó, ông P cho lại bà C, ông N. Khoảng hơn 40 năm, ông N có cho gia đình một phần đất thuộc một phần thửa 57, tờ bản đồ 3 có diện tích theo đo đạc thực tế của Tòa án là 507,7m² tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng để cất nhà ở, trong quá trình canh tác gia đình bà T, ông V không có ngăn cản hay tranh chấp gì.

Nay ông bà không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì đất đó là của ông Hồ Văn N, bà Huỳnh Thị C. Trong vụ án này không có yêu cầu độc lập.

- Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Phương T và ông Hồ Quốc Đ trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Huỳnh Văn P. Sau đó, ông P cho lại bà C, ông N. Khoảng hơn 40 năm trước, ông N có cho một phần đất thuộc một phần thửa 57, tờ bản đồ 3 có diện tích theo đo đạc thực tế của Tòa án là 793,4m² tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng để cất nhà ở, trong quá trình canh tác gia đình bà T, ông V không có ngăn cản hay tranh chấp gì. Nay ông bà không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì đất đó là của ông Hồ Văn N, bà Huỳnh Thị C. Trong vụ án này không có yêu cầu độc lập gì.

- Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Quang Nhứt, ông Huỳnh Văn B, bà Huỳnh Thị Lan A trình bày:

Phần đất đang tranh chấp không phải có nguồn gốc của ông Huỳnh Văn H (cha ruột ông bà) mà là của bác ruột là ông Huỳnh Văn P. Trong những 1945 – 1954 chính quyền cách mạng lấy đất của địa chủ cấp cho dân nghèo và ông Huỳnh Văn P được cấp đất mặt tiền giáp sông rạch Phụng Sơn, sau này con gái và con rể của ông P là ông Hồ Văn N và bà Huỳnh Thị C thừa hưởng phần đất của ông P; còn ông Huỳnh Văn H được cấp đất phía sau giáp với đất của ông P (cụ thể đất của cha ông lúc đó có vị trí: Có 01 cạnh giáp với rạch Xẻo sâu hiện nay, 02 cạnh còn lại giáp với đất của ông P, 01 cạnh sau cùng giáp với đất của ông Nguyễn Thái H. Lúc chính quyền cấp đất thì ông H cất nhà phía sau vườn, đến khoảng năm 1967 chế độ Mỹ – Ngụy dồn dân ra phía mé sông để dễ quản lý nên ông P cho em ruột là ông H ở đậu trên phần đất của ông P cập mé sông, chứ ông H không có phần đất nào có vị trí ở mặt tiền cập mé sông cả. Trong vụ án này không có yêu cầu và đồng thời yêu cầu được giải quyết vắng mặt.

- Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Nguyệt H, bà Huỳnh Thị Hồng N, Nguyễn Thị Mỹ L, bà Huỳnh Thị U trình bày: Trong vụ án này không có yêu cầu độc lập gì và đồng thời yêu cầu được giải quyết vắng mặt.

- Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn M trình bày:

Phần đất thuộc thửa 1089 và thửa 57, cùng tờ bản đồ 03; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng bác ông cho con là bà Huỳnh Thị C, ông Hồ Văn N vì lúc đó còn ở chung với cha mẹ. Sau năm 1975 thì ông đi làm ăn xa và không ở chung với gia đình nên ông không biết gì. Trong vụ án này không có yêu cầu độc lập gì và đồng thời yêu cầu được giải quyết vắng mặt.

- Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Ủy ban nhân dân huyện L là ông Huỳnh Tấn Thanh trình bày:

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V191585 ngày 06/5/2002 thuộc thửa 57, tờ bản đồ 03; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng diện tích là 4.349m² được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông V đứng tên là đúng theo trình tự thủ tục quy định. Tuy nhiên, khi cấp giấy đối với thửa đất này Ủy ban không có xác minh rõ nguồn gốc đó là của ai, chỉ căn cứ vào tờ khai của bà Thành, ông V đề cấp.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 1089, tờ bản đồ 03; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B040862 ngày 18/4/1994 đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông Hồ Văn N đứng tên là đúng theo quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, nguồn gốc phân đất.

Nay trước yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B040862 ngày 18/4/1994 đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông Hồ Văn N đứng tên thuộc thửa 1089, tờ bản đồ 03; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng thì Ủy ban nhân dân huyện L không đồng ý.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V191585 ngày 06/5/2002 thuộc thửa 57, diện tích là 4.349m² được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông V đứng tên. Ông đề nghị Tòa án xem xét nếu nguồn gốc đất là của bị đơn thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện L thụ lý, giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2020/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 02/2020/QĐ-SCBSBA ngày 29/5/2020, đã quyết định:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 34; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 158; Điều 161; Điều 162, Điều 165; Điều 166; 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 203 Luật đất đai năm 2003;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông Huỳnh Văn V về việc yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị C, ông Hồ Văn N (chết) do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn N là bà Huỳnh Thị C, bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn T, bà Hồ Thị N, ông Hồ Quốc Đ, ông Hồ Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn T, bà Trần Thị P, ông Hồ Quốc T, bà Nguyễn Thị Kim Y, ông Hồ Quốc Đ, bà Thạch Phương T phải trả phần đất thuộc một phần thửa 57, tờ bản đồ 03; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng có diện tích là 4.484,7m² (trong đó bà Hồ Thị H đang sử dụng là 277m², có số đo và tứ cận: Hướng Đông giáp đất ông Huỳnh Văn V đang quản lý (thửa số 57 đang tranh chấp) có số đo 23m, hướng Tây giáp đất ông Phan Văn Trường có số đo 23,8m, hướng Nam giáp lộ đal có số đo 10m, hướng Bắc giáp đất ông Hồ Văn N (một phần thửa số 57) có số đo 14m; Ông Hồ Văn T, bà Trần Thị P, ông Hồ Quốc T, bà Nguyễn Thị Kim Y đang sử dụng 507,7m², có số đo và tứ cận: Hướng Đông giáp đất ông Hồ Văn N đang quản lý (thửa số 57 đang tranh chấp) có số đo 51,3m, hướng Tây giáp đất ông Huỳnh Văn V đang quản lý (thửa số 57 đang tranh chấp) có số đo 16,3m + 3,7m + 20,5m và giáp đất ông Hồ Văn N có số đo 10m, hướng Nam giáp lộ đal có số đo 2,1m, hướng Bắc giáp đất ông Hồ Văn N đang quản lý (thửa số 57 đang tranh chấp) có số đo 16,7m; Bà Huỳnh Thị C, ông Hồ Văn N (chết) do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn N là bà Huỳnh Thị C, bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn T, ông Hồ Quốc Đ, ông Hồ Văn D, bà Hồ Thị N đang sử dụng 2.906,6m² (trong đó có 150m² đất thổ cư), có số đo và tứ cận: Hướng Đông giáp đất bà Nguyễn Thị Soạn có số đo 12,3m + giáp đất ông Hồ Quốc Đ có số đo 37,3m + giáp đất bà Nguyễn Thị Soạn có số đo 4m + giáp đất ông Hồ Văn T có số đo 10m + giáp đất ông Huỳnh Văn V đang quản lý (thửa số 57 đang tranh chấp) có số đo 18m, hướng Tây giáp đất ông Phan Văn Trường có số đo 33,4m + giáp phần đất ông Hồ Văn T có số đo 51,3m, hướng Nam giáp đất ông Hồ Quốc Đ có số đo 21,3m + giáp đất ông Hồ Văn T có số đo 16,7m + giáp phần đất ông Huỳnh Văn V có số đo 6,9m + giáp phần đất bà Hồ Thị H có số đo 14m + giáp lộ đal có số đo 35m, hướng Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị Soạn có số đo 15,4m + giáp phần đất ông Hồ Văn N có số đo 86,3m; Ông Hồ Quốc Đ, bà Thạch Phương T đang sử dụng 793,4m², có số đo và tứ cận: Hướng Đông giáp đất bà Nguyễn Thị Soạn có số đo 37,3m, hướng Tây giáp đất ông Hồ Văn N đang quản lý (thửa số 57 đang tranh chấp) có số đo 37,3m, hướng Nam giáp lộ đal có số đo 21,3m, hướng Bắc giáp đất ông Hồ Văn N đang quản lý (thửa số 57 đang tranh chấp) có số đo 21,3m) đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V191585 ngày 06/5/2002 do hộ ông Huỳnh Văn V đứng tên.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông Huỳnh Văn V về việc yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị C, ông Hồ Văn N (chết) do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn N là bà Huỳnh Thị C, bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn T, bà Hồ Thị N, ông Hồ Quốc Đ, ông Hồ Văn D trả phần đất thuộc một phần thửa 1089, tờ bản đồ 03; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng

có diện tích là 3.599,5m² đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B049862 ngày 18/4/1994 do ông Hồ Văn N đứng tên, có số đo và tứ cận: Hướng Đông giáp đất bà Nguyễn Thị Soạn có số đo 40,2m; hướng Tây giáp đất ông Phan Văn Trường có số đo 45,7m; hướng Nam đất ông Hồ Văn N đang quản lý (thửa số 57 đang tranh chấp) có số đo 86,3m; hướng Bắc giáp đất ông Huỳnh Văn V có số đo 31,5m + 13m và giáp đất ông Hồ Văn N có số đo 51m đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B049862 ngày 18/4/1994 do ông Hồ Văn N đứng tên.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông Huỳnh Văn V về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B049862 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp vào ngày 18/4/1994 do ông Hồ Văn N đứng tên đối với thửa 1089, tờ bản đồ 03; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

4. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V191585 ngày 06/5/2002 được Ủy ban nhân dân huyện L cấp do hộ ông Huỳnh Văn V đứng tên đối với thửa 57, tờ bản đồ 03; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

5. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu của bà Huỳnh Thị Ngọc T, ông Huỳnh Văn V về việc: Yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị C, ông Hồ Văn N (chết) do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn N là bà Huỳnh Thị C, bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn T, bà Hồ Thị N, ông Hồ Quốc Đ, ông Hồ Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn T, bà Trần Thị P, ông Hồ Quốc T, bà Nguyễn Thị Kim Y, ông Hồ Quốc Đ, bà Thạch Phương T trả lại phần đất thuộc thửa Q5, có diện tích 2.625m², tờ bản đồ 03 tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông Hồ Văn N đứng tên; Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Hồ Văn N, bà Huỳnh Thị C và ông Huỳnh Văn V, bà Huỳnh Thị Ngọc T vào ngày 30/10/2001 và buộc trả lại năm chỉ vàng 24kara theo hợp đồng; Yêu cầu ông N, bà C trả lại phần đất có diện tích 1.837m² thuộc thửa 07, tờ bản đồ 03 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông Hồ Văn N đứng tên; hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì trái pháp luật; Buộc ông Hồ Văn N, bà Huỳnh Thị C phải trả tiền thu thuế thửa đất 57, tờ bản đồ 03; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng trái quy định từ năm 1975 đến năm 2001 là 10.000.000 đồng.

6. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Hồ Văn N (chết) do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn N là bà Huỳnh Thị C, bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn T, bà Hồ Thị N, ông Hồ Quốc Đ, ông Hồ Văn D về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông Huỳnh Văn V phải trả phần đất có diện tích khoảng 600m² (theo đo đạc thực tế là 474,9m²) thuộc một phần của thửa 57, tờ bản đồ số 03 tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất V191585 ngày 06/5/2002 do hộ ông Huỳnh Văn V đứng tên.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng khác và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 11/6/2020, bà Huỳnh Thị Ngọc T kháng cáo bản án sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xem xét lại toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn bà Huỳnh Thị C và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Hồ Văn N không rút lại đơn phản tố, người kháng cáo bà Huỳnh Thị Ngọc T vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật về tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa,

[2] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Ngọc T nộp trực tiếp tại Tòa án nhân dân huyện L vào ngày 11/6/2020 là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc Thoir về việc kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân huyện L, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà. Thì thấy rằng:

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu về việc: Yêu cầu bị đơn trả lại phần đất có diện tích 2.625m², tờ bản đồ 03 tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông Hồ Văn N đứng tên; Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Hồ Văn N, bà Huỳnh Thị C và ông Huỳnh Văn V, bà Huỳnh Thị Ngọc T vào ngày 30/10/2001 và buộc trả lại năm chỉ vàng 24kara theo hợp đồng; Yêu cầu ông N, bà C trả phần đất có diện tích 1.837m² thuộc thửa 07, tờ bản đồ 03 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông Hồ Văn N đứng tên; hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 07, tờ bản đồ 03; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng vi trái pháp luật; Buộc ông Hồ Văn N, bà

Huỳnh Thị C phải trả tiền thu thuế thửa đất 57, tờ bản đồ 03; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng trái quy định từ năm 1975 đến năm 2001 là 10.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó tại bản án sơ thẩm nêu trên đình chỉ xét xử một phần đối với những yêu cầu được rút của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn N là bà Huỳnh Thị C, bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn T, bà Hồ Thị N, ông Hồ Quốc Đ, ông Hồ Văn D yêu cầu được rút lại một phần phản tố về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông Huỳnh Văn V phải trả phần đất có diện tích khoảng 600m² (qua đo đạc thực tế là 474,9m²) thuộc một phần của thửa 57, tờ 3 tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất V191585 ngày 06/5/2002 do hộ ông Huỳnh Văn V đứng tên. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu phản tố là tự nguyện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó bản án sơ thẩm đã đình chỉ xét xử một phần đối với yêu cầu phản tố được rút của bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu nêu trên của các bị đơn là một phần của yêu cầu phản tố là chưa chính xác, vì đây là toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn nên cần điều chỉnh lại cho đúng là đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của các bị đơn. Riêng đối với yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V191585 ngày 06/5/2002 thuộc thửa 57, tờ bản đồ 03; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng diện tích là 4.349m² được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông V đứng tên, không phải là yêu cầu phản tố của bị đơn trong vụ án vì yêu cầu này chưa phù hợp theo khoản 2 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, mà yêu cầu này chỉ là yêu cầu hủy quyết định cá biệt trong vụ án dân sự. Do đó, cần nêu để Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm chung.

[6] Như vậy, còn lại yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Huỳnh Thị C, ông Hồ Văn N (chết) do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn N là bà Huỳnh Thị C, bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn T, bà Hồ Thị N, ông Hồ Quốc Đ, ông Hồ Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn T, bà Trần Thị P, ông Hồ Quốc T, bà Nguyễn Thị Kim Y, ông Hồ Quốc Đ, bà Thạch Phương T phải trả phần đất thuộc một phần của thửa 57, có diện tích theo đo đạc thực tế là 4.484,7 m², tờ bản đồ số 03 tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng hiện nay đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V191585 ngày 06/5/2002 do hộ ông Huỳnh Văn V đứng tên (Trong đó: bà Hồ Thị H đang sử dụng là 277m²; Ông Hồ Văn T, bà Trần Thị P, ông Hồ Quốc T, bà Nguyễn Thị Kim Y đang sử dụng 507,7m²; Bà Huỳnh Thị C, ông Hồ Văn N (chết vào năm 2019) đang sử dụng 2.906,6m² (trong đó có 150m² đất thổ cư); Ông Hồ Quốc Đ đang sử dụng 793,4m²) đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V191585 ngày 06/5/2002 do hộ ông Huỳnh Văn V đứng tên, thì thấy rằng:

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà T cho rằng nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của bà Bùi Thị M và ông Huỳnh Văn P có trước năm 1945. Sau khi ông P, bà M chết để lại cho ông Huỳnh Văn H, bà Lê Thị

T. Năm 1994 bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi bà T chết, nguyên đơn được thừa kế phần đất này và năm 2002 Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V191585 ngày 06/5/2002 do hộ ông Huỳnh Văn V.

[7.1] Năm 1963 thì ông Huỳnh Văn P (cha của bà C) canh tác trên phần đất này. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị C, ông Hồ Văn N (chết) do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn N là bà Huỳnh Thị C, bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn T, bà Hồ Thị N, ông Hồ Quốc Đ, ông Hồ Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn T, ông Hồ Quốc Đ, Hồ Văn T cho rằng nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của ông Huỳnh Văn P (cha của bà C) được Nhà nước cấp có trước năm 1945 và thời điểm đó, bà C và ông N ở trên phần đất này từ năm 1945 cho đến nay.

[7.2] Nguyên đơn cũng thừa nhận khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V191585 ngày 06/5/2002 do hộ ông Huỳnh Văn V thì mới biết đất đó nằm trong giấy chứng nhận mới đi khiếu nại. Trước năm 2002 thì không có khiếu nại, tranh chấp gì.

[7.3] Mặt khác, ông Huỳnh Quang Nhứt, bà Huỳnh Thị Lan A, ông Huỳnh Văn B là anh chị em ruột của ông Huỳnh Văn V đồng thời là con của ông Huỳnh Văn H, bà Lê Thị Tề cho rằng *“Phần đất đang tranh chấp không phải có nguồn gốc của ông Huỳnh Văn H (cha ruột ông bà) mà là của bác ruột là ông Huỳnh Văn P. Trong những 1945 – 1954 chính quyền cách mạng lấy đất của địa chủ cấp cho dân nghèo và ông Huỳnh Văn P được cấp đất mặt tiền giáp sông rạch Phụng Sơn, sau này con gái và con rể của ông P là ông Hồ Văn N và bà Huỳnh Thị C thừa hưởng phần đất của ông P; còn ông Huỳnh Văn H được cấp đất phía sau giáp với đất của ông P (cụ thể đất của cha ông lúc đó có vị trí: Có 01 cạnh giáp với rạch Xẻo sâu hiện nay, 02 cạnh còn lại giáp với đất của ông P, 01 cạnh sau cùng giáp với đất của ông Nguyễn Thái H. Lúc chính quyền cấp đất thì ông H cất nhà phía sau vườn, đến khoảng năm 1967 chế độ Mỹ – Ngụy dồn dân ra phía mé sông để dễ quản lý nên ông P cho em ruột là ông H ở đậu trên phần đất của ông P cập mé sông, chứ ông H không có phần đất nào có vị trí ở mặt tiền cập mé sông cả”*.

[7.4] Chứng cứ này cũng phù hợp với biên bản xác minh ngày 11/3/2020 của Tòa án Long Phú xác định *“Phần đất tranh chấp thuộc thửa 57, tờ bản đồ 03; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc đất là của ông Huỳnh Văn P (cha của bà C) được cách mạng cấp năm 1945, liền kề với đất ông Huỳnh Văn P. Ở phía trong là đất của ông Huỳnh Văn H (em của ông P). Năm 1967 chính quyền chế độ cũ không cho dân cất nhà nằm sâu trong vườn, buộc ông H phải dời nhà ra ngoài. Ông H được ông P cho mượn một phần đất khoảng 600m² để cất nhà ở, phần diện tích đất còn lại thì ông P sử dụng và chết để lại cho bà C....đối với phần đất ông N, bà C sử dụng từ năm 1945 cho đến nay”*.

[7.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà T cũng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu nêu trên của mình là có căn cứ.

[8] Như vậy, đủ cơ sở để xác định nguồn gốc phần đất là của ông Huỳnh Văn

P và ông P đã sử dụng phần đất này từ năm 1945 đến năm 2002 mới xảy ra tranh chấp là 57 năm, bị đơn sử dụng công khai, liên tục, ngay tình, hợp pháp nên đối chiếu với Điều 182, Điều 183, Điều 221 của Bộ luật dân sự năm 2015, phần đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của các bị đơn nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Huỳnh Thị C, ông Hồ Văn N (chết) do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn N là bà Huỳnh Thị C, bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn T, bà Hồ Thị N, ông Hồ Quốc Đ, ông Hồ Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn T, bà Trần Thị P, ông Hồ Quốc T, bà Nguyễn Thị Kim Y, ông Hồ Quốc Đ, bà Thạch Phương T phải trả phần đất thuộc một phần của thửa 57, có diện tích theo đo đạc thực tế là 4.484,7 m², tờ 03 tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng hiện nay đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V191585 ngày 06/5/2002 do hộ ông Huỳnh Văn V đứng tên (Trong đó: bà Hồ Thị H đang sử dụng là 277m²; Ông Hồ Văn T, bà Trần Thị P, ông Hồ Quốc T, bà Nguyễn Thị Kim Y đang sử dụng 507,7m²; Bà Huỳnh Thị C, ông Hồ Văn N (chết vào năm 2019) đang sử dụng 2.906,6m² (trong đó có 150m² đất thổ cư); Ông Hồ Quốc Đ đang sử dụng 793,4m²) đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V191585 ngày 06/5/2002 do hộ ông Huỳnh Văn V đứng tên là không có cơ sở chấp nhận.

[9] Đối với yêu cầu đòi lại phần đất có diện tích là 3.599,5m², thuộc một phần thửa 1089, tờ bản đồ 03; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B049862 do hộ ông Hồ Văn N đứng tên vào ngày 18/4/1994. Thì thấy rằng:

[10] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà T cho rằng nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của bà Bùi Thị M và ông Huỳnh Văn P có trước năm 1945. Sau khi ông P, bà M chết để lại cho ông Huỳnh Văn H, bà Lê Thị T. Năm 1963 thì ông Huỳnh Văn P (cha của bà C) canh tác trên phần đất này và ngày 18/4/1994 Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B049862 do ông Hồ Văn N đứng tên thuộc thửa 1089, tờ bản đồ 3 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

[10.1] Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Huỳnh Thị C và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn N cho rằng nguồn gốc phần đất đang tranh chấp của thửa 1089 là của ông Huỳnh Văn P do Nhà nước cấp. Khi ông P chết để lại cho bà C và ông N canh tác. Ông P sử dụng phần đất này từ năm 1945 cho đến nay và ngày 18/4/1994 Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B049862 do ông Hồ Văn N đứng tên thuộc thửa 1089, tờ bản đồ 3 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

[10.2] Xét thấy: Theo như đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 02/6/1992 xác định thửa 1089 là đất gốc của ông Hồ Văn N; ông Huỳnh Quang Nhứt, bà Huỳnh Thị Lan A, ông Huỳnh Văn B là anh chị em ruột của ông Huỳnh Văn V đều xác định đây là đất của ông Huỳnh Văn P được Nhà nước cấp, sử dụng từ năm 1945. Chứng cứ này cũng phù hợp với biên bản xác minh ngày 11/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện L xác định: “*Đối với thửa 1089 nguồn gốc đất là của ông Huỳnh Văn P (cha của bà C) được cách mạng cấp năm 1945 và khi chết để lại cho bà C, ông N*”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn cũng không cung cấp thêm được, tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu nêu trên của mình có căn cứ.

[10.3] Như vậy, đã có cơ sở để xác định phần đất đang tranh chấp thuộc một phần thửa 1089, tờ bản đồ 03; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc là của ông Huỳnh Văn P, khi ông P chết để lại cho bà C, ông N và bị đơn đã sử dụng từ năm 1945 đến nay. Bên cạnh đó, nguyên đơn cũng biết các bị đơn canh tác phần đất này từ năm 1945 cho đến năm 2002 mới tranh chấp là 57 năm, sử dụng công khai, liên tục, ngay tình và bị đơn đã trồng cây lâu năm, tôn tạo phần đất này nhưng đều không tranh chấp, không có phản đối hay ý kiến gì.

[10.4] Từ nhận định nêu trên, đối chiếu với Điều 182, Điều 183, Điều 221 của Bộ luật dân sự năm 2015, phần đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của các bị đơn, cho nên yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu đòi lại phần đất có diện tích là 3.599,5m², thuộc một phần thửa 1089, tờ bản đồ 03; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B049862 do hộ ông Hồ Văn N đứng tên vào ngày 18/4/1994 là không có căn cứ chấp nhận.

[11] Đối với yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B049862 do hộ ông Hồ Văn N đứng tên vào ngày 18/4/1994. Thì thấy rằng: Tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất vào ngày 02/01/1992 của ông Hồ Văn N. Ngày 18/4/1994, UBND huyện L tại thửa 1089 nêu trên. Như vậy, về trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên của UBND huyện L là phù hợp với khoản 2 Điều 24, khoản 2 Điều 36 Luật đất đai năm 1993.

[12] Về nguồn gốc đất, như đã phân tích ở phần trên thì phần đất thuộc thửa 1089 nêu trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của các bị đơn. Do đó, việc UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B049862 cho hộ ông Hồ Văn N là đúng theo quy định tại Điều 2 Luật đất đai 1993. Do đó, các nguyên đơn yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B049862 do hộ ông Hồ Văn N đứng tên vào ngày 18/4/1994 thuộc thửa 1089 là không có căn cứ chấp nhận.

[13] Đối với yêu cầu của các bị đơn về việc hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V191585 ngày 06/5/2002 được Ủy ban nhân dân huyện L cấp do hộ ông Huỳnh Văn V đứng tên đối với thửa 57, tờ bản đồ 03; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Thì thấy rằng: Ngày 28/10/2001, ông Huỳnh Văn V nộp đơn xin hợp thức hóa quyền sử dụng đất; cùng ngày, ông Huỳnh Văn V lập tờ tường trình nguồn gốc đất thể hiện nội dung nguồn gốc đất trước năm 1975 của là Lê Thị Tánh tác; sau năm 1975 vẫn tiếp tục canh tác đến ngày 28/10/2001, cho lại con trai út là Huỳnh Văn V. Sau đó, cơ quan chuyên môn tiến hành xác minh, lập sơ đồ thửa đất và đến ngày 06/5/2002. UBND huyện L tiến hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V191585 nêu trên cho hộ ông Huỳnh Văn V theo quy định.

[14] Tuy nhiên, theo phân tích ở phần trên nguồn gốc phần đất tranh chấp thuộc thửa 57 nêu trên là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của các bị đơn. Mặt khác, Ủy ban nhân dân huyện L thừa nhận khi cấp giấy chứng nhận không xác minh nguồn gốc đất và đủ cơ sở xác định phần đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bị đơn, bà

Thành, ông V, bà T không trực tiếp canh tác phần đất có diện tích 4.484.7 m², thửa số 57, tờ bản đồ số 03 tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng từ năm 1945 nên việc Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận cho nguyên đơn là không phù hợp với theo Điều 2 Luật đất đai 1993. Do đó, cần thiết phải hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V191585 ngày 06/5/2002 được Ủy ban nhân dân huyện L cấp do hộ ông Huỳnh Văn V đứng tên đối với thửa 57 nêu trên là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật về đất đai.

[15] Như đã phân tích nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có cơ sở, đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, nguyên đơn bà T kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[16] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T và giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[17] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí phúc thẩm khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Ngọc T về việc yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2/ Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng, án sơ thẩm được tuyên lại như sau:

“1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông Huỳnh Văn V về việc yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị C, ông Hồ Văn N (chết) do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn N là bà Huỳnh Thị C, bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn T, bà Hồ Thị N, ông Hồ Quốc Đ, ông Hồ Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn T, bà Trần Thị P, ông Hồ Quốc T, bà Nguyễn Thị Kim Y, ông Hồ Quốc Đ, bà Thạch Phương T phải trả phần đất thuộc một phần thửa 57, tờ bản đồ 03; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng có diện tích là 4.484,7m² (trong đó bà Hồ Thị H đang sử dụng là 277m², có số đo và tứ cận: Hướng Đông giáp đất ông Huỳnh Văn V đang quản lý (thửa số 57 đang tranh chấp) có số đo 23m, hướng Tây giáp đất ông Phan Văn Trường có số đo 23,8m, hướng Nam giáp lộ đal có số đo 10m, hướng Bắc giáp đất ông Hồ Văn N (một phần thửa số 57) có số đo 14m; Ông Hồ Văn T, bà Trần Thị P, ông Hồ Quốc T, bà Nguyễn Thị Kim Y đang sử dụng 507,7m², có số đo và tứ cận: Hướng Đông giáp đất ông Hồ Văn N đang quản lý (thửa số 57 đang tranh chấp) có số đo 51,3m, hướng Tây giáp đất

ông Huỳnh Văn V đang quản lý (thửa số 57 đang tranh chấp) có số đo 16,3m + 3,7m + 20,5m và giáp đất ông Hồ Văn N có số đo 10m, hướng Nam giáp lộ đal có số đo 2,1m, hướng Bắc giáp đất ông Hồ Văn N đang quản lý (thửa số 57 đang tranh chấp) có số đo 16,7m; Bà Huỳnh Thị C, ông Hồ Văn N (chết) do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn N là bà Huỳnh Thị C, bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn T, ông Hồ Quốc Đ, ông Hồ Văn D, bà Hồ Thị N đang sử dụng 2.906,6m² (trong đó có 150m² đất thổ cư), có số đo và tứ cận: Hướng Đông giáp đất bà Nguyễn Thị Soạn có số đo 12,3m + giáp đất ông Hồ Quốc Đ có số đo 37,3m + giáp đất bà Nguyễn Thị Soạn có số đo 4m + giáp đất ông Hồ Văn T có số đo 10m + giáp đất ông Huỳnh Văn V đang quản lý (thửa số 57 đang tranh chấp) có số đo 18m, hướng Tây giáp đất ông Phan Văn Trường có số đo 33,4m + giáp phần đất ông Hồ Văn T có số đo 51,3m, hướng Nam giáp đất ông Hồ Quốc Đ có số đo 21,3m + giáp đất ông Hồ Văn T có số đo 16,7m + giáp phần đất ông Huỳnh Văn V có số đo 6,9m + giáp phần đất bà Hồ Thị H có số đo 14m + giáp lộ đal có số đo 35m, hướng Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị Soạn có số đo 15,4m + giáp phần đất ông Hồ Văn N có số đo 86,3m; Ông Hồ Quốc Đ, bà Thạch Phương T đang sử dụng 793,4m², có số đo và tứ cận: Hướng Đông giáp đất bà Nguyễn Thị Soạn có số đo 37,3m, hướng Tây giáp đất ông Hồ Văn N đang quản lý (thửa số 57 đang tranh chấp) có số đo 37,3m, hướng Nam giáp lộ đal có số đo 21,3m, hướng Bắc giáp đất ông Hồ Văn N đang quản lý (thửa số 57 đang tranh chấp) có số đo 21,3m) đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V191585 ngày 06/5/2002 do hộ ông Huỳnh Văn V đứng tên.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông Huỳnh Văn V về việc yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị C, ông Hồ Văn N (chết) do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn N là bà Huỳnh Thị C, bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn T, bà Hồ Thị N, ông Hồ Quốc Đ, ông Hồ Văn D trả phần đất thuộc một phần thửa 1089, tờ bản đồ 03; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng có diện tích là 3.599,5m² đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B049862 ngày 18/4/1994 do ông Hồ Văn N đứng tên, có số đo và tứ cận: Hướng Đông giáp đất bà Nguyễn Thị Soạn có số đo 40,2m; hướng Tây giáp đất ông Phan Văn Trường có số đo 45,7m; hướng Nam đất ông Hồ Văn N đang quản lý (thửa số 57 đang tranh chấp) có số đo 86,3m; hướng Bắc giáp đất ông Huỳnh Văn V có số đo 31,5m + 13m và giáp đất ông Hồ Văn N có số đo 51m đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B049862 ngày 18/4/1994 do ông Hồ Văn N đứng tên.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông Huỳnh Văn V về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B049862 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp vào ngày 18/4/1994 do ông Hồ Văn N đứng tên đối với thửa 1089, tờ bản đồ 03; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

4. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V191585 ngày 06/5/2002 được Ủy ban nhân dân huyện L cấp do hộ ông Huỳnh Văn V đứng tên đối với thửa 57, tờ bản đồ 03; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

5. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu của bà Huỳnh Thị Ngọc T, ông Huỳnh Văn V về việc: Yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị C, ông Hồ Văn N (chết) do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn N là bà Huỳnh Thị C, bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn T, bà Hồ Thị N, ông Hồ Quốc Đ, ông Hồ Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn T, bà Trần Thị P, ông Hồ Quốc T, bà Nguyễn Thị Kim Y, ông Hồ Quốc Đ, bà Thạch Phương T trả lại phần đất thuộc thửa Q5, có diện tích 2.625m², tờ bản đồ 03 tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông Hồ Văn N đứng tên; Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Hồ Văn N, bà Huỳnh Thị C và ông Huỳnh Văn V, bà Huỳnh Thị Ngọc T vào ngày 30/10/2001 và buộc trả lại năm chỉ vàng 24kara theo hợp đồng; Yêu cầu ông N, bà C trả lại phần đất có diện tích 1.837m² thuộc thửa 07, tờ bản đồ 03 tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông Hồ Văn N đứng tên; hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì trái pháp luật; Buộc ông Hồ Văn N, bà Huỳnh Thị C phải trả tiền thu thuế thửa đất 57, tờ bản đồ 03; tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng trái quy định từ năm 1975 đến năm 2001 là 10.000.000 đồng.

6. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Hồ Văn N (chết) do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn N là bà Huỳnh Thị C, bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn T, bà Hồ Thị N, ông Hồ Quốc Đ, ông Hồ Văn D về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông Huỳnh Văn V phải trả phần đất có diện tích khoảng 600m² (theo đo đạc thực tế là 474,9m²) thuộc một phần của thửa 57, tờ bản đồ số 03 tọa lạc ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất V191585 ngày 06/5/2002 do hộ ông Huỳnh Văn V đứng tên.

7. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông Huỳnh Văn V phải chịu 7.048.000 đồng (Bảy triệu không trăm bốn mươi tám ngàn đồng) tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá đã nộp là 7.048.000 đồng (Bảy triệu không trăm bốn mươi tám ngàn đồng) theo phiếu thu ngày 25/3/2015 với số tiền 1.130.000 đồng (Một triệu một trăm ba mươi ngàn đồng) và phiếu thu ngày 18/4/2017 với số tiền là 5.918.000 đồng (Năm triệu chín trăm mười tám ngàn đồng). Như vậy, bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông Huỳnh Văn V đã nộp xong tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản.

8. Về chi phí giám định: Bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông Huỳnh Văn V phải chịu 5.460.000 đồng (Năm triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) chi phí giám định. Bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông Huỳnh Văn V phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Huỳnh Thị C, ông Hồ Văn N (chết) do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn N là bà Huỳnh Thị C, bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn T, bà Hồ Thị N, ông Hồ Quốc Đ, ông Hồ Văn D do đã nộp tạm ứng chi phí giám định theo phiếu thu ngày 21/8/2015.

9. Về án phí dân sự sơ thẩm:

9.1. Bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông Huỳnh Văn V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.632.250 (Chín triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn hai trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005833 ngày 17/3/2013 với số tiền là 5.478.000 đồng (Năm triệu bốn trăm bảy mươi tám ngàn đồng) và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 009137 ngày 16/6/2016 với số tiền là 4.154.250 đồng (Bốn triệu một trăm năm mươi bốn ngàn hai trăm năm mươi đồng) Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Như vậy, bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông Huỳnh Văn V được nhận lại 9.332.250 (Chín triệu ba trăm ba mươi hai ngàn hai trăm năm mươi đồng).

9.2. Ông Hồ Văn N (Chết) do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn N là bà Huỳnh Thị C, bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn T, bà Hồ Thị N, ông Hồ Quốc Đ, ông Hồ Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Hồ Văn N (Chết) do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn N là bà Huỳnh Thị C, bà Hồ Thị H, ông Hồ Văn T, bà Hồ Thị N, ông Hồ Quốc Đ, ông Hồ Văn D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.680.000 đồng (Một triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 006709 ngày 16/7/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.”

3/ Về án phí phúc thẩm: Bà T phải chịu án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng. Khấu trừ số tiền bà T đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003697 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Bà T đã nộp xong án phí phúc thẩm nêu trên.

4/ Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện L;;
- Chi cục THADS huyện L;
- VKSND huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Dũ